TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 525/2023/HC-PT
Ngày: 12-7-2023
"V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Nguyễn Văn Khương

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Phạm Thị Thanh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 105/2023/TLPT- HC ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc "khiếu kiện quyết định hành chính". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1488/2022/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1617/2023/QĐ-PT ngày 29/ 6 /2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Trần Minh N, sinh năm 1978; Cư trú tại: C đường A, Cư xá ngân hàng, khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Tuấn N1, sinh năm 1978; Cư trú tại: 2 N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền số 011658 ngày 05/8/2020 lập tại Văn phòng C - có mặt).

- *Người bị kiện*: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G (xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Võ Đăng K – Chuyên viên Phòng Q1 (vắng mặt);

- Bà Trần Thị Khánh T1 – Chuyên viên Phòng Q1 (có mặt).

- Ông Phạm Thế Q – Phó trưởng phòng Quản lý đô thị Quận G (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Tổng Công ty M – Công ty cổ phần (vắng mặt)

Địa chỉ: E L, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Đỗ Thị Thanh T2, sinh năm 1981; Cư trú tại: C đường A, Cư xá ngân hàng, khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Trần Minh N, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thanh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ, bản án sơ thẩm và lời trình bày của các bên tham gia vụ kiện tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện của ông Trần Minh N trình bày: Căn nhà số C đường N, C, khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Trần Minh N và bà Đỗ Thị Thanh T2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất số BH 015957 do Ủy ban nhân dân Quận G cấp ngày 29/3/2012.

Ngày 29/01/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 395/QĐ-KPHQ (Quyết định 395/QĐ-KPHQ) đối với ông Trần Minh N tại địa chỉ số C đường N, C, khu phố E, phường T, Quận G Thành phố Hồ Chí Minh, phải thực hiện khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính như sau: Lấn đất, tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính Phủ; Điểm b Khoản 6 Điều 13 của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính Phủ. Lý do không ra quyết định xử phạt vì đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Biện pháp khắc phục hậu quả bao gồm: Buộc ông Trần Minh N phải tháo dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm, diện tích tháo dỡ 15,5m^2, cấu trúc: tường gạch, mái tole; Buộc ông Trần Minh N khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm, trả lại đất đã lấn quy định tại Khoản 5 Điều 10 của Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ diện tích 15,5m^2 một phần thửa 92, 96 tờ bản đồ số 1 tài liệu 02/CT-UB nay thuộc 1 phần thửa 69 tờ bản đồ 43 (tài liệu bản đồ 2003) khu phố D, phường T, Quận G.

Do ông Trần Minh N khiếu nại nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 22/04/2016 về việc giải quyết khiếu nại

của ông Trần Minh N có nội dung bác yêu cầu khiếu nại, giữ nguyên Quyết định số 395/QĐ-KPHQ.

Ngày 15/8/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G ban hành Quyết định số 2332/QĐ-CC cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 395/QĐ-KPHQ.

Ngày 13/2/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G ban hành Quyết định số 0568/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Minh N có nội dung dung bác yêu cầu khiếu nại của ông N, giữ nguyên Quyết định số 2332/QĐ-CC.

Tại đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung thì ông Trần Minh N yêu cầu hủy các quyết định sau: Quyết định số 395/QĐ-KPHQ; Quyết định số 10/QĐ-UBND; Quyết định số 2332/QĐ-CC và Quyết định số 0568/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G. Lý do khởi kiện: Căn nhà 34N đường 11N ông Trần Minh N sử dụng từ năm 1990 và không có ai tranh chấp, nhà đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ở. Phần đất này nguyên là nhánh con rạch Bần Đôn, từ những năm 1980 chính quyền phát động chăn nuôi, trồng trọt để cải thiện đời sống nhân dân nên chủ trước của căn nhà đã sử dụng để tăng gia sản xuất cho đến khi bán cho gia đình ông Trần Minh N.

Tại báo cáo số 45/BC-UB/2002 ngày 17/12/2002 của Ủy ban nhân dân phường T cũng xác nhận phần đất hoang hóa nên các gia đình khai thác, cơi nới để sinh hoạt sinh sống. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 50 của Luật đất đai năm 2003 thì phần đất này gia đình ông được cấp giấy chứng nhận nên các quyết định trên là không đúng, trái pháp luật.

Người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận G *có người đại diện theo ủy quyền có ý kiến trình bày như sau:*

Khu đất có diện tích 5.825m^2 tại phường T, Quận G do Công ty Đ mua lại của Ngân hàng Q2 theo chứng thư trước bạ tại S ngày 29/12/1971 và đăng ký ngày 16/4/1974.

Ngày 20/7/1995, Ủy ban nhân dân huyện N đã họp cùng Liên hiệp Mía đường II và Công ty X giao cho Liên hiệp Mía đường II 46 lô để xây dựng nhà cho cán bộ công nhân viên.

Ngày 25/02/1998, Ủy ban nhân dân Quận G đã phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T tiến hành đo đạc, xác định mốc và bàn giao đất cho Tổng Công ty M với tổng số lô là 40 lô.

Ngày 20/7/2000, Kiến trúc sư trưởng Thành phố đã có Văn bản số 8455/KTST-QH về địa điểm xây dựng và có Văn bản số 9038/KTST-ĐB2 ngày 16/08/2000 về thỏa thuận điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng 1/500 khu nhà ở cán bộ công nhân viên tại phường T, Quận G với tổng khu đất diện tích 2.532,2m^2 (kèm bản vẽ quy hoạch).

Căn cứ bản vẽ hiện trạng vị trí số 06725/ĐĐBĐ-VPQ7 ngày 25/5/2012 do Trung tâm đo đạc bản đồ thiết lập, áp ranh bản đồ quy hoạch phân lô khu nhà ở phường T, Quận G được Kiến trúc sư trưởng thành phố phê duyệt ngày 16/8/2000 lên bản đồ hiện trạng vị trí; áp ranh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01569/2003 lên bản đồ hiện trạng vị trí, xác định: Phần đất phía sau nhà của ông Trần Minh N thuộc dãy N (ranh theo giấy chứng nhận) là khoảng thông hành địa dịch cách ranh đất của Công ty M1 đường 1,5m.

Báo cáo số 42/BC-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân phường T xác định: "Qua khảo sát, kiểm tra tình hình hiện trạng thực tế khu đất của Công ty M1, Ủy ban nhân dân phường T có báo cáo như sau: "Khu vực Cư xá ngân hàng trước đây có hàng rào bảo vệ rõ ràng là ranh giới của khu nhà ở này với khu đất xung quanh, hiện nay các hộ dân tự phá hàng rào bảo vệ Cư xá ngân hàng nới rộng diện tích sử dụng (của Công ty M1 đường) và lấn hết phần thông hành địa dịch của khu Cư xá Ngân hàng".

Theo bản đồ giải thửa tỷ lệ 1/4000, thành lập năm 1983 xác định phần đất phía sau khu Cư xá ngân hàng là đất có thửa, không phải đất rạch.

Do đó, xác định phần đất (nằm ngoài ranh công nhận) phía sau nhà ông Trần Minh N là đất có thửa, không phải đất rạch; phần đất đã được đăng ký trước bạ cho Công ty M1 từ năm 1974.

Việc Ủy ban nhân dân phường T lập Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm số 14/BB-VPHC ngày 17/11/2015 và Biên bản vi phạm hành chính về việc lấn đất đai số 14/BB-VPHC ngày 18/11/2015 là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và đúng quy định tại Điều 28, Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 68 của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định về thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện; Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012; Khoản 2 Điều 4 của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định về thời hạn xử phạt vi phạm hành chính.

Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 395/QĐ-KPHQ đối với ông Trần Minh N, Quyết định số 2332/QĐ-CC và Quyết định giải quyết khiếu nại số 10/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tổng công ty cổ phần M – Công ty cổ phần trình bày: Công ty không có ý kiến gì trong vụ án, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thanh T2 trình bày: Bà có cùng ý kiến với ông Trần Minh N.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 1488/2022/HC-ST ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh N, bà Đỗ Thị Thanh T2:

- Hủy một phần Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 395/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G đối với biện pháp khắc phục hậu quả nội dung: Buộc ông Trần Minh N phải trả lại đất đã lấn quy định tại Khoản 5 Điều 10 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014, diện tích 15,5m^2;

- Hủy Điều 1, Điều 2 của Quyết định giải quyết khiếu nại số 10/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G có nội dung bác khiếu nại của ông N và giữ nguyên nội dung Quyết định số 395/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G có liên quan đến việc khiếu nại buộc ông Trần Minh N phải trả lại đất;

- Hủy một phần Điều 1 của Quyết định cưỡng chế số 2332/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G về cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, nội dung: Cưỡng chế thu hồi đất, diện tích 15,5m^2;

- Hủy Điều 1, Điều 2 của Quyết định giải quyết khiếu nại số 0568/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G có nội dung: Bác khiếu nại và giữ nguyên nội dung Quyết định cưỡng chế số 2332/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G có liên quan đến việc khiếu nại của ông Trần Minh N về cưỡng chế thu hồi đất, diện tích 15,5m^2.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh N, bà Đỗ Thị Thanh T2 về yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 395/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G đối với biện pháp khắc phục hậu quả, nội dung: Buộc ông Trần Minh N tự phá dỡ công trình xây dựng bộ phận công trình xây dựng vi phạm. Diện tích phá dỡ 15,5m^2, cấu trúc tường gạch, mái tole. Buộc ông Trần Minh N khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm;

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 10/QĐ-UBND ngày 22/04/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G có nội dung bác yêu cầu khiếu nại và giữ nguyên Quyết định số 395/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G liên quan đến nội dung buộc ông Trần Minh N tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm với diện tích phá dỡ 15,5m^2, cấu trúc tường gạch, mái tole, khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm;

- Quyết định cưỡng chế số 2332/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G về cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, nội dung: Cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm diện tích phá dỡ 15,5m^2, cấu trúc tường gạch, mái tole;

- Điều 1, Điều 2 của Quyết định giải quyết khiếu nại số 0568/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G có nội dung bác khiếu nại của ông Trần Minh N và giữ nguyên Quyết định số số 2332/QĐ-UBND ngày

15/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G về cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm diện tích phá dỡ 15,5m^2, cấu trúc tường gạch, mái tole.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/9/2022, người khởi kiện ông Trần Minh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thanh T2 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện; ngày 11/10/2022, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên các quyết định của Ủy ban nhân dân Quận G và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G .

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Minh N và Ủy ban nhân dân Quận G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Tuấn N1 *trình bày:* Diện tích đất 15,5m^2 do gia đình ông N nhận chuyển nhượng lại của chủ đất trước, công trình trên đất đã xây dựng từ lâu, xây dựng trên đất nông nghiệp; Ông N sử dụng và xây dựng trên phần đất này từ trước năm 1998, tại thời điểm xây dựng luật chưa quy định phải xin phép xây dựng và cũng không có cơ quan chức năng nào ngăn cản việc ông N xây dựng. Ủy ban nhân dân Quận G cho rằng đất thuộc quyền sử dụng của Công ty mía đường, Công ty không tranh chấp nhưng Ủy ban ban hành Quyết định buộc tháo dỡ và thu hồi đất là trái quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông N, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Diện tích đất gia đình ông N lấn chiếm sử dụng là của Cty mía đường I đã được cơ quan có thẩm quyền và Kiến trúc sư thành phố H phê duyệt xây nhà cho nhân viên Công ty. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 395/QĐ-KPHQ đối với ông Trần Minh N, Quyết định số 2332/QĐ-CC và Quyết định giải quyết khiếu nại số 10/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ thể hiện diện tích 15,5m^2 ông N sử dụng lấn chiếm thuộc quyền quản lý của Công ty M1 đường II và đã được kiến trúc sư trưởng thành P phê duyệt. Phần diện tích đất này thuộc khoảng

thông hành địa dịch, không nằm trong GCNQSDĐ của ông N nên ông N cho rằng đây là đất rạch được nhà nước khuyến khích cơi nới tăng gia sản xuất là không có cơ sở. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G ban hành Quyết định 395 là phù hợp; Tuy nhiên diện tích này không thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Quận G mà thuộc quyền quản lý của Công ty M1, Công ty không tranh chấp. Quyết định 395 buộc ông N trả đất nhưng không tuyên giao cho ai là không phù hợp. Tòa cấp sơ thẩm tuyên hủy một phần QĐ 395 và một phần các Quyết định liên quan là có căn cứ. Việc xây dựng công trình trên đất của ông N là trái quy định, không được cơ quan có thẩm quyền cho phép nên phần Quyết định của Ủy ban buộc tháo dỡ là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của bà T2: tại phiên tòa bà T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; như vậy bà T2 đã từ bỏ yêu cầu kháng cáo của mình nên đề nghị căn cứ điều 229 Luật tố tụng hành chính, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Minh N, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Thanh T2 trong hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện xin xét xử vắng mặt, người khởi kiện vắng mặt có người đại diện theo ủy quyền tham gia nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.3] Đối với bà Đỗ Thị Thanh T2 có kháng cáo, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy bà T2 đã từ bỏ việc kháng cáo của mình; Căn cứ điểm d khoản 1 điều 229 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà T2.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Minh N:

[2.1] Căn nhà số C N của ông Trần Minh N và bà Đỗ Thị Thanh T2 được Ủy ban nhân dân Quận G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất số BH 015957 do Ủy ban nhân dân Quận G cấp ngày 29/3/2012 với diện tích xây dựng: 64,2m^2; diện tích sử dụng: 86m^2 thuộc thửa 69, tờ bản đồ số 43 (phường T) tại 34N nội bộ Cư xá ngân hàng, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2.2] Căn cứ Bản vẽ hiện trạng vị trí số 06725/ĐĐBĐ-VPQ7 do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H lập ngày 25/5/2012 thì phần đất ông Trần Minh N sử dụng có diện tích 107,9m^2 trong đó: Phần diện tích thuộc thửa 93 (93-1) là 101,3m^2, thuộc thửa 96 (96-1) là 6,6m^2 (theo TL02/CT-UB); thuộc thửa 68 (68-1) là 4,1m^2, thuộc thửa 69 (69-1) là 103,8m^2 (theo 2003). Phía sau nhà của ông Trần Minh N thuộc dãy N (ranh theo giấy chứng nhận) là khoảng thông hành địa dịch cách ranh đất của Công ty M1 đường II 1,5m. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất số BH 015957 thì phần diện tích đất 15,5m^2, ông N xây dựng không phép thuộc lộ giới và không được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khắc gắn liền với đất. Ông N đã bị Ủy ban nhân dân phường T, Quận G lập 02 Biên bản vi phạm hành chính vào ngày 18/11/2015 gồm:

+ Biên bản vi phạm hành chính về việc lấn đất đai số 14/BB-VPHC với hành vi lấn đất; diện tích 15,5m^2; thời điểm vi phạm trước năm 2003;

+ Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm số 14/BB-VPHC với hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng (trên đất lấn chiếm); thời điểm vi phạm trước năm 2003.

Do thời điểm lấn đất và xây dựng theo 02 biên bản vi phạm hành chính được xác định trước 2003 nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G không ra quyết định xử phạt mà áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

[2.3] Do công trình xây dựng trên diện tích 15,5m^2 của ông N là trái quy định, nên Quyết định số 395/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G có phần nội dung buộc ông Trần Minh N tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm với diện tích phá dỡ 15,5m^2, cấu trúc tường gạch, mái tole; khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm là đúng quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 10 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Tuy nhiên, việc quyết định buộc ông Trần Minh N trả lại đất đã lấn nhưng không xác định cụ thể phải trả cho ai là không rõ ràng, không có cơ sở; Mặc khác diện tích đất được xác định thuộc sự quản lý sử dụng của Công ty M1 .Vì vậy, cần phải hủy phần nội dung này của Quyết định số 395/QĐ-UBND của G.

[2.4] Quyết định số 395/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G có phần nội dung buộc ông Trần Minh N trả lại diện tích đất đã lấn chiếm là 15,5m^2 là không đúng cần tuyên hủy, nên các Quyết định cưỡng chế số 2332/QĐ-CC, ngày15/8/2016; Quyết định giải quyết khiếu nại số 10/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 , Quyết định giải quyết khiếu nại số 0568/QĐ-UBND, ngày 13/2/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G liên quan đến phần diện tích 15,5m^2 buộc ông N trả lại đất là không đúng nên Tòa cấp sơ thẩm tuyên hủy một phần các Quyết định trên là có căn cứ.

[3] Ủy ban nhân dân Quận G kháng cáo cho rằng các Quyết định của mình ban hành là đúng quy định pháp luật; Tuy nhiên, như đã phân tích tại phần trên việc ban hành các Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận G là đúng thẩm quyền, nhưng về phần nội dung Ủy ban quyết định thu hồi diện tích 15,5m^2 của ông N trong khi diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của Công ty M1, nhưng cũng không giao cho cá nhân hoặc đơn vị nào quản lý sử dụng nên Tòa cấp sơ thẩm tuyên hủy một phần Quyết định của Ủy ban là có căn cứ. Ủy ban nhân dân Quận G kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác so với ở cấp sơ thẩm nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

[4] Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận khởi kiện của ông N, bà T2 về việc tuyên hủy toàn bộ các Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận G, đồng thời, tuyên hủy một phần các Quyết định của Ủy ban nhân dân Quận G là có cơ sở, đúng pháp luật. Nên, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Minh N, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm:

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Minh n và Chủ tịch Ủy ban nhân G phải chịu án phí theo quy định.

- Sung vào công quỹ Nhà nước đối với tiền tạm ứng án phí của bà Đỗ Thị Thanh T2.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, điểm d khoản 1 điều 229 BLTT Hành chính năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Đỗ Thị Thanh T2.

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Minh N, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G. Giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 1488/2022/HC-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Luật khiếu nại năm 2011; Điều 65 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 2 của Nghị định số 04/NĐ-CP ngày 01/01/1997 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; Điều 3, 10 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP, ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh N, bà Đỗ Thị Thanh T2:

- Hủy một phần Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 395/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G đối với biện pháp khắc phục hậu quả nội dung: Buộc ông Trần Minh N phải trả lại đất đã lấn quy định tại Khoản 5 Điều 10 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014, diện tích 15,5m^2;

- Hủy Điều 1, Điều 2 của Quyết định giải quyết khiếu nại số 10/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G có nội dung bác khiếu nại của ông N và giữ nguyên nội dung Quyết định số 395/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G có liên quan đến việc khiếu nại buộc ông Trần Minh N phải trả lại đất;

- Hủy một phần Điều 1 của Quyết định cưỡng chế số 2332/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G về cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, nội dung: Cưỡng chế thu hồi đất, diện tích 15,5m^2;

- Hủy Điều 1, Điều 2 của Quyết định giải quyết khiếu nại số 0568/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G có nội dung: Bác khiếu nại và giữ nguyên nội dung Quyết định cưỡng chế số 2332/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G có liên quan đến việc khiếu nại của ông Trần Minh N về cưỡng chế thu hồi đất, diện tích 15,5m^2.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh N, bà Đỗ Thị Thanh T2 về yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 395/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G đối với biện pháp khắc phục hậu quả, nội dung: Buộc ông Trần Minh N tự phá dỡ công trình xây dựng bộ phận công trình xây dựng vi phạm. Diện tích phá dỡ 15,5m^2, cấu trúc tường gạch, mái tole. Buộc ông Trần Minh N khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm;

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 10/QĐ-UBND ngày 22/04/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G có nội dung bác yêu cầu khiếu nại và giữ nguyên Quyết định số 395/QĐ-KPHQ ngày 29/01/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G liên quan đến nội dung buộc ông Trần Minh N tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm với diện tích phá dỡ 15,5m^2, cấu trúc tường gạch, mái tole, khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm;

- Quyết định cưỡng chế số 2332/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G về cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, nội dung: Cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm diện tích phá dỡ 15,5m^2, cấu trúc tường gạch, mái tole;

- Điều 1, Điều 2 của Quyết định giải quyết khiếu nại số 0568/QĐ-UBND ngày 13/2/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G có nội dung bác khiếu nại

của ông Trần Minh N và giữ nguyên Quyết định số số 2332/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận G về cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm diện tích phá dỡ 15,5m^2, cấu trúc tường gạch, mái tole.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm:

- ông Trần Minh n và Chủ tịch Ủy ban nhân G mỗi người phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0003271 ngày 21/10/2022; số 0003333 ngày 21/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh,

- Tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003272 ngày 21/10/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đối với bà Đỗ Thị Thanh T2 được sung vào công quỹ Nhà nước.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Mười **Nguyễn Văn Khương** **Lê Văn An**